TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 778/2023/DS-PT
Ngày: 26/7/2023
V/v Tranh chấp đòi nhà
cho ở nhờ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Anh Minh
Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2023/DSPT ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi nhà cho ở nhờ";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2344/2023/QĐ-PT ngày 03/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Lê Văn H,** sinh năm 1963. (có mặt)
Địa chỉ thường trú: 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ tạm trú: 918 ADV, Phường MB1, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Bà Lê Thị T3,** sinh năm 1969. (có mặt)
Đại chỉ thường trú: 241/17/1 THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ tạm trú: 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1 Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1990. (xin vắng mặt)
3.2 Ông Hồ Quốc T5, sinh năm 1990. (xin vắng mặt)

3.3 Trẻ Hồ Phạm Ngọc T2, sinh năm 2015. Đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị Thanh T. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: bà Lê Thị T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Lê Văn H trình bày:

Căn nhà số 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh do cha mẹ của ông H là ông Lê Văn H2 (chết năm 2021) và bà Võ Thị M(chết năm 2021) tạo lập trước năm 1975 và đến năm 2006 được cấp Giấy chứng nhận đất số CH0607/2006 do Uỷ ban nhân dân Quận S cấp ngày 11/5/2006.

Ngày 27/8/2007 ông H1 bà M đã tặng cho ông H một phần nhà đất theo Hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất số 0299, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/8/2007 tại Phòng công chứng số 7. Ngày 27/5/2014 ông H1 bà M tiếp tục tặng cho ông H một phần nhà đất theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 10139, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/5/2014 tại Phòng công chứng số B (phần nhà đất phía sau). Sau đó, ông H hợp 2 phần đất nêu trên lại và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP304626, số vào sổ cấp GCN: CH23868 Uỷ ban nhân dân Quận S ngày 17/10/2014.

Năm 2015, bà Lê Thị T3 (là em ruột của ông H) bán căn nhà số 241/17/1 THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh và xin ông H cho ở nhờ một phần phía sau nhà đất số 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do anh em ruột và thấy bà T3 khó khăn nên ông H cho gia đình bà T3 ở nhờ, bà T3 có hứa gia đình bà T3 chỉ sống tạm, bao giờ ông H cần nhà thì bà T3 sẽ trả lại nhà. Thời điểm gia đình bà T3 xin ở nhờ nhà của ông có cha mẹ ông sống cùng.

Sau khi ông H1 và bà M mất vào năm 2021, tháng 02/2022 ông H có yêu cầu bà T3 trả nhà để ông H ở và sửa chữa những hạng mục xuống cấp thì gia đình bà T3 xin ông H thêm 03 tháng nữa. Đến tháng 06/2022, ông H đến đòi nhà thì bà T3 tuyên bố không trả.

Ông Lê Văn H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị T3 và những người sống cùng phải trả lại phần phía sau căn nhà số 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây thuộc thửa đất số 32 và 406, nay thuộc thửa đất số 406 và 407, tờ bản đồ số 25) cho ông, thời hạn trả là 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về phần hỗ trợ di dời chỗ ở: trường hợp bà T3 trả nhà trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông H sẽ hỗ trợ bà T3 số tiền 5.000.000 đồng, nếu bà T3 giao trả nhà sau thời hạn nêu trên ông sẽ không hỗ

trợ. Phần vách ngăn phòng phía trên gác, ông H đồng ý để bà T3 tháo dỡ và trả lại nguyên trạng như cũ cho ông H.

Bị đơn - bà Lê Thị T3 trình bày:

Cha mẹ của bà T3 là ông Lê Văn H2 (chết năm 2021) và bà Võ Thị M (chết năm 2021) có 06 người con là: Bà Lê Thị H (chết năm 1983), bà Lê Thị T4 (chết năm 2017), bà Lê Thị B (chết năm 2021), bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn H và bà Lê Thị T3.

Ông H1 và bà M có tạo lập được phần đất có diện tích 144,6m^2 toạ lạc tại số 241/15 THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, phần diện tích phía trước mua lại bằng giấy tay của ông Lê Văn K, phần diện tích phía sau mua của người khác nhưng không rõ họ tên. Hai phần đất nằm liền kề nhau và ông H1 bà M đã được cấp Giấy chứng nhận đất số AG 997720 do Uỷ ban nhân dân Quận S cấp ngày 11/5/2006.

Năm 2007, ông H1 bà M tặng cho một phần đất phía trước có diện tích 33,7m^2 cho ông Lê Văn H, trong đó bao gồm tài sản gắn liền với đất 24,8m^2 cho ông Lê Văn H và tách thửa, cập nhật trên Giấy chứng nhận ngày 24/4/2008. Đồng thời cũng tặng cho bà T3 một phần đất phía sau diện tích là 44,3m^2, trong đó gồm diện tích sử dụng riêng là 31,2m^2 và sử dụng chung làm lối đi giữa nhà bà T3 và nhà cha mẹ là 13,1m^2. Năm 2011, bà T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, (số nhà 241/17/1 THĐ). Năm 2015, bà T3 đã bán căn nhà này do làm ăn thất bại.

Phần diện tích đất còn lại của ông H1 bà M là 66,6m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB462000, số vào sổ cấp GCN: CH04516 Uỷ ban nhân dân Quận S ngày 08/12/2010. Sau đó, bà T3 có nghe bà M nói tách phần đất là 47,2m^2 và căn nhà bán cho người khác, dùng tiền này để xây nhà mồ. Phần diện tích còn lại là 19,4m^2, bà M vẫn để lại để ở, ba mẹ có kêu gia đình bà T3 về sống chung để trực tiếp chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già, cho tới lúc cha mẹ chết, bà T3 vẫn ở căn nhà này để thờ cúng cha mẹ. Việc cha mẹ tặng cho ông H căn nhà này vào thời điểm năm 2014 là chưa rõ vì cha mẹ đã lớn tuổi (ông H1 86 tuổi, bà M 84 tuổi), không còn minh mẫn nên không phải tặng cho tự nguyện vì đã cho phần ông H rồi. Hiện tại, bà T3 bị bệnh nhiều, mất khả năng lao động, không có thu nhập, con bà cũng bị thất nghiệp phải ở nơi khác, gia đình rất nhiều khó khăn.

Nay bà T3 đồng ý trả phần nhà phía sau căn nhà ở địa chỉ 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây thuộc thửa đất số 32 và 406, nay thuộc thửa đất số 406 và 407, tờ bản đồ số 25) cho ông H trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về phần hỗ trợ di dời chỗ ở, đề nghị ông H hỗ trợ cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Phần vách ngăn phòng phía trên gác, bà sẽ tháo dỡ và trả lại nguyên trạng nhà như cũ cho ông H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Thanh T trình bày: bà là con gái của bà T3, sống cùng bà T3 tại căn nhà trên, khoảng năm 2015 do bà T3 làm ăn thất bại phải bán nhà nên ông ngoại (ông H1 và bà M) kêu gia đình bà T3 sang sống cùng, khi ông bà ngoại già yếu, bà T3 là người trực tiếp chăm sóc, hiện nay gia đình bà vẫn sống tại đây để thờ cúng ông bà. Bà thống nhất và đồng ý với ý kiến của bà T3 và xin vắng mặt tại Tòa.

2. Ông Hồ Quốc T5 trình bày: ông là chồng của bà T, ông hiện đang sống cùng mẹ vợ tại căn nhà trên, ông đồng ý với ý kiến của bà T3 và xin vắng mặt tại Tòa.

3. Trẻ Hồ Phạm Ngọc T2 có người đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị Thanh T đồng ý với ý kiến của bà T3.

Tại Bản án sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm giao trả phần phía sau căn nhà 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây thuộc thửa đất số 32 và 406, nay thuộc thửa đất số 406 và 407, tờ bản đồ số 25) cho ông Lê Văn H, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo hiện trạng ban đầu.

Ghi nhận sự tự nguyện cho ông H đồng ý hỗ trợ di dời cho bà T3 với số tiền 5.000.000 đồng nếu bà T3 trả nhà trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27/4/2023, bị đơn - bà Lê Thị T3 có Đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với số tiền hỗ trợ và thời gian để bị đơn di dời tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện phụ giúp cho bị đơn 5.000.000 đồng và 04 tháng để di dời.

Bị đơn – bà Lê Thị T3 kháng cáo yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ số tiền di dời là 80.000.000 đồng (bao gồm tiền cải tạo nhà, di dời và thuê nhà mới) và xin thời hạn trong 04 tháng để di dời, trả nhà lại cho nguyên đơn, đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm xem xét thời điểm cha mẹ bà tặng cho nhà cho nguyên đơn có trong trạng thái minh mẫn để làm thủ tục hay không.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cho gia đình bà T3 trả nhà trong thời hạn 04 tháng và phụ giúp 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn – bà Lê Thị T3 nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của bà được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Căn nhà số 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của cha mẹ ông H và bà T3 là ông Lê Văn H2 (chết năm 2021) và bà Võ Thị M (chết năm 2021) tạo lập trước năm 1975 và đến năm 2006 được cấp Giấy chứng nhận đất số CH0607/2006 do Uỷ ban nhân dân Quận S cấp ngày 11/5/2006.

Ngày 27/8/2007 ông H1 bà M đã tặng cho ông H một phần nhà đất theo Hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất số 0299, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/8/2007 tại Phòng công chứng số B. Ngày 27/5/2014 ông H1 bà M tiếp tục tặng cho ông H một phần nhà đất theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 10139, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/5/2014 tại Phòng công chứng số B (phần nhà đất phía sau). Sau đó, ông H hợp 02 phần đất nêu trên lại và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP304626, số vào sổ cấp GCN: CH23868 do Uỷ ban nhân dân Quận S cấp ngày 17/10/2014.

Bị đơn – bà Lê Thị T3 trình bày do năm 2015 bà bán nhà nên không có nơi ở ổn định nên được cha mẹ cho ở phía sau nhà số 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T3 đồng ý trả lại nhà, nhưng muốn nguyên đơn hỗ trợ 80.000.000 đồng và xin thời gian là 04 tháng để di dời.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý phụ giúp bị đơn 5.000.000 đồng và cho gia đình bị đơn thời hạn 04 tháng để di dời, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn đối với thời gian 04 (bốn) tháng di dời được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị xem xét lại tính pháp lý của các hợp đồng tặng cho nhà của cha mẹ cho nguyên đơn, xét thấy: các Hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất số 0299, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/8/2007, được công chứng tại Phòng công chứng số B và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 10139, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/5/2014, được công chứng tại Phòng công chứng số B (phần nhà đất phía sau) giữa ông Lê Văn H2 bà Võ Thị M và ông Lê Văn H đã đảm bảo các trình tự theo quy định pháp luật, nên kháng cáo của bị đơn về vấn đề này là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất hiện nay phần nhà phía sau nhà số 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S mà bị đơn đang ở và nguyên đơn yêu cầu đòi lại có diện tích là 19,49m^2 đúng với Bản vẽ hiện trạng ngày 16/5/2014 của Công ty TNHH thiết kế - xây dựng KGH. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại phần phía sau nhà số 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không xác định rõ diện tích, vị trí để đảm bảo việc thi hành án là có thiếu sót, cần bổ sung cho cụ thể.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn – bà Lê Thị T3 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn – ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0012529 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm, nên án phí dân sự phúc thẩm bị đơn – bà Lê Thị T3 không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà T3 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0013233 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Lê Thị T3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông (bà) Phạm Thị Thanh T, Hồ Quốc T5, trẻ Hồ Phạm Ngọc T2 (đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị Thanh T) có trách nhiệm giao trả nguyên hiện trạng phần phía sau căn nhà 241/17 (số cũ 241/15) THĐ, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây thuộc thửa đất số 32 và 406, nay thuộc thửa đất số 406 và 407, tờ bản đồ số 25), diện tích là 19,49m^2 theo Bản vẽ hiện trạng ngày 16/5/2014 của Công ty TNHH thiết kế - xây dựng KGH cho ông Lê Văn H.

Thời hạn di dời, giao trả phần nhà trên là trong vòng 04 (bốn) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn H đồng ý hỗ trợ cho bà T3 với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật để gia đình bà T3 có điều kiện di dời.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn – bà Lê Thị T3 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn – ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0012529 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn – bà Lê Thị T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà T3 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0013233 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận S;
- Các đương sự;
- Lưu/22.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Đình Đức

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận S;
- Chi cục THADS Quận S;
- Các đương sự;
- Lưu/20.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Đình Đức